**MA TRẬN ĐỀ THI THEO CẤU TRÚC CỦA BỘ KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT CỦA BỘ NĂM 2023 MÔN: ĐỊA LÍ**

**I. CẤU TRÚC ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Mức độ** | **Lớp** | **Lý thuyết** | **Kỹ năng** |
| *Atlat* | *BSL* | *BĐ* |
| 41 | Nhận xét bảng số liệu ( Đông nam Á ) | H | 11 |  |  | x |  |
| 42 | Atlat - trang Khí hậu (trang 9) | B | 12 |  | x |  |  |
| 43 | Atlat - trang Các ngành công nghiệp trọng điểm (trang 22) | B | 12 |  | x |  |  |
| 44 | Bài 27: Vấn đề phát triển công nghiệp trọng điểm | B | 12 | x |  |  |  |
| 45 | Nhận xét biểu đồ ( ĐNA ) | H | 11 |  |  |  | x |
| 46 | Atlat - trang Kinh tế chung (trang 17) | B | 12 |  | x |  |  |
| 47 | Atlat - trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (trang 29) | B | 12 |  | x |  |  |
| 48 | Atlat - trang Các hệ thống sông (trang 10) | B | 12 |  | x |  |  |
| 49 | Bài 26: Cơ cấu ngành công nghiệp | B | 12 | x |  |  |  |
| 50 | Bài 39: Đông Nam Bộ | B | 12 | x |  |  |  |
| 51 | Atlat - Trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên (trang 28) | B | 12 |  | x |  |  |
| 52 | Atlat - trang Vùng Bắc Trung Bộ (trang 27) | B | 12 |  | x |  |  |
| 53 | Atlat - trang Giao thông (trang 23) | B | 12 |  | x |  |  |
| 54 | Atlat - trang Du lịch (trang 25) | B | 12 |  | x |  |  |
| 55 | Atlat - trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng (trang 26) | B | 12 |  | x |  |  |
| 56 | Atlat - trang Công nghiệp chung (trang 21) | B | 12 |  | x |  |  |
| 57 | Atlat - trang Dân số (trang 15) | B | 12 |  | x |  |  |
| 58 | Atlat - trang Hành chính (trang 4-5) | B | 12 |  | x |  |  |
| 59 | Atlat - trang Các miền tự nhiên (trang 13,14) | B | 12 |  | x |  |  |
| 60 | Bài 14: Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên | B | 12 | x |  |  |  |
| 61 | Bài 15: Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai | B | 11 | x |  |  |  |
| 62 | Atlat - trang Nông nghiệp (trang 19) | B | 12 |  | x |  |  |
| 63 | Bài 22: Vấn đề phát triển nông nghiệp | H | 12 | x |  |  |  |
| 64 | Bài 24: Vấn đề phát triển thủy sản và lâm nghiệp | H | 12 | x |  |  |  |
| 65 | Bài 20: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế | H | 12 | x |  |  |  |
| 66 | Bài 17: Lao động và việc làm | H | 12 | x |  |  |  |
| 67 | Bài 42: Biển, đảo | H | 12 | x |  |  |  |
| 68 | Bài 2: Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ | H | 12 | x |  |  |  |
| 69 | Bài 18: Đô thị hóa | H | 12 | x |  |  |  |
| 70 | Bài 30: Vấn đề phát triển ngành GTVT và TTLL | H | 12 | x |  |  |  |
| 71 | Bài 32: Trung du và miền núi Bắc Bộ | VDC | 12 | x |  |  |  |
| 72 | Bài 31: Thương mại, du lịch | VD | 12 | x |  |  |  |
| 73 | Nội dung biểu đồ | VD | 12 |  |  |  | x |
| 74 | Bài 37: Tây Nguyên | VD | 12 | x |  |  |  |
| 75 | Bài 36: Duyên hải Nam Trung Bộ | VD | 12 | x |  |  |  |
| 76 | Bài 41: Đồng bằng sông Cửu Long | VD | 12 | x |  |  |  |
| 77 | Bài 31: Đồng bằng sông Hồng | VD | 12 | x |  |  |  |
| 78 | Bài 35: Bắc Trung Bộ | VDC | 12 | x |  |  |  |
| 79 | Bài 11: Thiên nhiên phân hóa đa dạng | VDC | 12 | x |  |  |  |
| 80 | Nhận dạng biểu đồ | VDC | 12 |  |  | x |  |

 **ĐỀ RA THEO CẤU TRÚC MINH HỌA CỦA BỘ NĂM 2023 MÔN ĐỊA LÍ**

Người ra đề: Nguyễn Thị Quý

Đơn vị: Trường THPT Hàm Long

Người thẩm định: Nguyễn Ngọc Hoàn

Trường THPT Thuận Thành 1

 **Câu 41:** Cho bảng số liệu:

NĐL TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA CAM-PU-CHIA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

 *(Đơn vị: Tỉ USD)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm****Giá trị** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** | **2021** |
| Xuất khẩu | 8,6 | 11,3 | 14,8 | 17,4 | 16,5 |
| Nhập khẩu | 11,8 | 14,3 | 19,7 | 19,0 | 25,5 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2022, https://www.aseanstats.org)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng với trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của Cam-pu-chia, giai đoạn 2015 - 2021?

**A.** Xuất khẩu tăng nhiều hơn nhập khẩu. **B.** Xuất khẩu tăng gấp hai lần nhập khẩu.

**C.** Nhập khẩu tăng chậm hơn xuất khẩu. **D.** Nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết nơi nào sau đây có nhiệt độ thấp nhất vào tháng 1?

**A.** Đà Nẵng. **B.** Đồng Hới. **C.** TP Hồ Chí Minh. **D.** Nha Trang.

**Câu 43:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết nơi nào sau đây có ngành sản xuất gỗ, giấy, xenlulô?

**A.** Sóc Trăng. **B.** Pleiku. **C.** Hòa Bình. **D.** Phủ Lý.

**Câu 44:** Sản phẩm nào sau đây thuộc ngành công nghiệp chế biến sản phẩm trồng trọt?

**A.** Nước mắm. **B.** Sữa hộp. **C.** Thịt hộp. **D.** Mía đường.

**Câu 45:** Cho biểu đồ:

NĐL 

NĐL SẢN LƯỢNG SẮN CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ THÁI LAN, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

*(Số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2022, https://www.aseanstats.org)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi sản lượng sắn năm 2021 so với năm 2015 của In-đô-nê-xi-a và Thái Lan?

**A.** In-đô-nê-xi-a tăng, Thái Lan giảm. **B.** In-đô-nê-xi-a giảm, Thái Lan tăng.

**C.** Thái Lan giảm, In-đô-nê-xi-a giảm. **D.** Thái Lan tăng, In-đô-nê-xi-a tăng.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào có quy mô lớn nhất ở vùng Đông Nam Bộ?

**A.** TP. Hồ Chí Minh. **B.** Thủ Dầu Một. **C.** Biên Hòa. **D.** Bà Rịa - Vũng Tàu.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc Đông Nam Bộ?

**A.** Hà Tiên. **B.** An Giang. **C.** Xa Mát. **D.** Đồng Tháp.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây bắt nguồn từ nước ngoài chảy vào lãnh thổ nước ta?

**A.** Sông Chu. **B.** Sông Long Đại. **C.** Sông Hiếu. **D.** Sông Gianh.

**Câu 49:** Chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp nước ta là khu vực

**A.** có vốn đầu tư nước ngoài. **B.** Nhà nước.

**C.** ngoài nhà nước. **D.** kinh tế tập thể.

**Câu 50:** Đông Nam Bộ thu hút được nguồn lao động dồi dào, chủ yếu do có

**A.** nền kinh tế phát triển năng động. **B.** cơ sở hạ tầng hiện đại và đồng bộ.

**C.** tài nguyên khoáng sản phong phú. **D.** diện tích đất xám phù sa cổ rất lớn.

**Câu 51:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có nhà máy thủy điện nào sau đây?

**A.** Xê Xan 3. **B.** Sông Hinh. **C.** Xê Xan 3A. **D.** Yaly.

**Câu 52:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết trung tâm công nghiệp nào có ngành sản xuất giấy, xenlulô?

**A.** Thanh Hóa. **B.** Vinh. **C.** Huế. **D.** Bỉm Sơn.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết quốc lộ 1 nối Hà Nội với nơi nào sau đây?

**A.** Lạng Sơn. **B.** Việt Trì. **C.** Hòa Bình. **D.** Thái Nguyên.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch nào sau đây nằm ở độ cao 50 - 500m?

**A.** Đá Nhảy. **B.** Bến En. **C.** Cửa Lò. **D.** Sầm Sơn.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có trung tâm công nghiệp nào sau đây?

**A.** Cẩm Phả. **B.** Hải Phòng. **C.** Hải Dương. **D.** Nam Định.

**Câu 56:** Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có số lượng ngành ít nhất?

**A.** Hải Phòng. **B.** Hà Nội. **C.** Nha Trang. **D.** Đà Nẵng.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào có quy mô dân số lớn nhất trong các đô thị sau đây?

**A.** Quảng Ngãi. **B.** Đà Nẵng. **C.** Đồng Hới. **D.** Quy Nhơn.

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào có đường bờ biển dài nhất trong các tỉnh sau đây?

**A.** Thái Bình **B.** Ninh Bình **C.** Nam Định. **D.** Quảng Ninh.

**Câu 59:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết đỉnh núi nào sau đây cao trên 3000m?

**A.** Pu Trà. **B.** Pu Huổi Long. **C.** Pu Si Lung. **D.** Phu Luông.

**Câu 60:** Tài nguyên đất của nước ta bị suy thoái nhiều nơi do

**A.** mưa lớn theo mùa.

**B.** khai thác quá mức.

**C.** bón phân hữu cơ.

**D.** trồng trọt luân canh.

**Câu 61:** Hiện tượng hạn hán của nước ta

**A.** chỉ có ở miền núi. **B.** nhiều nhất ở hải đảo. **C.** rất ít ở đồng bằng. **D.** diễn ra ở nhiều nơi.

**Câu 62:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào có sản lượng lúa thấp nhất trong các tỉnh sau đây?

**A.** Bình Định. **B.** Gia Lai. **C.** Bình Thuận. **D.** Kiên Giang.

**Câu 63:** Sản xuất cây công nghiệp ở nước ta hiện nay

**A.**Có nhiều nông sản để xuất khẩu **B.** phân bố đồng đều khắp cả nước

**C.**chỉ phục vụ nhu cầu trong nước. **D.** tập trung chủ yếu ở đồng bằng .

**Câu 64:** Khó khăn chủ yếu đối với nuôi trồng thủy sản của nước ta hiện nay là

**A.** nguồn giống tự nhiên khan hiếm. **B.** có rất nhiều nơi xâm bị nhập mặn.

**C.** diện tích mặt nước dần bị thu hẹp. **D.** dịch bệnh xảy ra trên diện rộng.

**Câu 65:** Cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay

A. đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu của thị trường B. Đang thay đổi theo hướng CNH

C.khu vực 1 luôn chiếm tỉ trọng cao nhất D.chỉ tập trung phát triển ngành CN

**Câu 66:** Phát biểu nào sau đây đúng về cơ cấu lao động theo ngành kinh tế nước ta?

**A.** Lao động khu vực ngoài Nhà nước nhiều nhất.

**B.** Tỉ trọng lao động trong công nghiệp, dịch vụ tăng.

**C.** Tỉ lệ lao động nông thôn giảm, thành thị tăng.

**D.** Lao động khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng.

**Câu 67:** Các huyện đảo của nước ta

**A.** chỉ duy nhất phát triển chăn nuôi. **B.** có khả năng phát triển thủy sản.

**C.** là các trung tâm công nghiệp lớn. **D.** là nơi có nhiều loại khoáng sản.

**Câu 68:** Ý nghĩa về văn hóa - xã hội của vị trí địa lí nước ta là

**A.** giúp chung sống hòa bình với các nước trong khu vực.

**B.** phát triển nhiều loại hình giao thông vận tải khác nhau.

**C.** thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư của nước ngoài.

**D.** cầu nối phát triển kinh tế giữa các nước trong khu vực.

**Câu 69:** Mạng lưới đô thị nước ta khác nhau giữa các vùng chủ yếu do sự khác nhau về

**A.** phân bố các điểm công nghiệp và dịch vụ. **B.** cơ sở hạ tầng và phân bố nguồn lao động.

**C.** quy hoạch phát triển đô thị, phân bố dân cư. **D.**phân bố dân cư, trình độ phát triển kinh tế.

**Câu 70:** Hướng phát triển của ngành bưu chính nước ta

**A.**đẩy mạnh tự động hóa, tin học hóa **B.** sử dụng lao động chưa qua đào tạo

**C.** chỉ tập trung ở đồng bằng và đô thị. **D.** Tăng qui trình nghiệp vụ thủ công

**Câu 71:** Giải pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả kinh tế chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** chăn nuôi theo hướng tập trung, đảm bảo tốt chuồng trại, thức ăn.

**B.** chế biến thức ăn phù hợp, cải tạo đồng cỏ, sử dụng các giống tốt.

**C.** đẩy mạnh lai tạo giống, đảm bảo nguồn thức ăn, phòng dịch bệnh.

**D.** áp dụng tiến bộ kĩ thuật, phát triển trang trại, chăn nuôi hàng hóa.

**Câu 72:** Khách du lịch quốc tế đến nước ta hiện nay nhiều chủ yếu do

**A.** người dân hiếu khách, môi trường thân thiện. **B.** hội nhập toàn cầu sâu rộng, kinh tế phát triển.

**C.** sản phẩm du lịch hấp dẫn, chính sách đổi mới. **D.** dịch vụ thuận tiện, cơ sở vật chất kĩ thuật tốt.

**Câu 73:** Cho biểu đồ về diện tích và sản lượng bưởi của nước ta, giai đoạn 2015 - 2021:

NĐL 

*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Cơ cấu diện tích và sản lượng. **B.** Tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng.

**C.** Quy mô diện tích và sản lượng. **D.** Sự thay đổi cơ cấu diện tích và sản lượng.

**Câu 74:** Biện pháp chủ yếu nâng cao giá trị sản phẩm cây cao su ở Tây Nguyên là

**A.** sản xuất tập trung, sử dụng nhiều giống tốt. **B.** tăng cường chế biến, đẩy mạnh xuất khẩu.

**C.** sử dụng nhiều lao động, mở rộng diện tích. **D.** mở rộng thị trường, phát triển các trang trại.

**Câu 75:** Mục đích chủ yếu của việc nâng cấp các cảng biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** gắn với khu kinh tế, cơ sở hình thành đô thị. **B.** tăng năng lực vận tải, đẩy mạnh xuất khẩu.

**C.** mở lối ra biển cho các nước, tăng giao lưu. **D.** tạo thế mở cửa cho vùng, phát triển kinh tế.

**Câu 76:** Ý nghĩa chủ yếu của việc sống chung với lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** ứng phó với tự nhiên, sử dụng nguồn nước. **B.** thích ứng với tự nhiên, khai thác nguồn lợi.

**C.** khai thác thế mạnh, hài hòa với môi trường. **D.** tận dụng tài nguyen, giữ nếp sống có từ lâu.

**Câu 77:** Dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng tăng trưởng nhanh chủ yếu do

**A.** lao động có chuyên môn cao, vốn đầu tư nước ngoài tăng.

**B.** nhập cư nhiều, dân đông, chất lượng cuộc sống nâng cao.

**C.** dân số đông, hàng hóa phát triển, nhiều trung tâm kinh tế.

**D.** nền kinh tế hàng hoá sớm phát triến, có cơ sở hạ tầng tốt.

**Câu 78:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển lâm nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

**A.** điều hoà dòng chảy, hạn chế sạt lở, nuôi dưỡng nguồn gen quý hiếm.

**B.** phát triển kinh tế vườn rừng, tạo nhiều việc làm, tăng nguồn thu nhập.

**C.** bảo vệ môi trường sinh thái, hạn chế thiên tai, khai thác tốt thế mạnh.

**D.** nuôi thuỷ sản, chắn gió bão, tạo thế kinh tế liên hoàn theo không gian.

**Câu 79:** Chế độ nhiệt nước ta có sự phân hóa đa dạng do tác động chủ yếu của

**A.** gió Tín phong, độ cao địa hình, vị trí địa lí, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh.

**B.** lãnh thổ kéo dài, gió mùa, địa hình, chuyển động biểu kiến của Mặt Trời.

**C.** gió mùa Đông Bắc, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh, địa hình, vị trí địa lí.

**D.** gió đông bắc, lãnh thổ kéo dài, địa hình, thời gian Mặt trời lên thiên đỉnh.

**Câu 80:** Cho bảng số liệu:

NĐL TRỊ GIÁ MỘT SỐ MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

*(Đơn vị: Triệu USD)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2019** | **2020** | **2021** |
| Xơ, sợi dệt các loại | 2549,8 | 4177,3 | 3737,6 | 5609 |
| Hàng dệt, may | 22808,7 | 32832,4 | 29812,4 | 32750,8 |
| Giày, dép | 12012,6 | 18318 | 16791 | 17750,2 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng trị giá một số mặt hàng xuất khẩu của nước ta giai đoạn 2015 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Miền. **B.** Tròn. **C.** Cột. **D.** Đường.

 GIẢI THÍCH ĐÁP ÁN :

CÂU 41: SD máy tính để tính số lần tăng về giá trị xk và nk của 2 nước rồi đối chiếu từng ĐA

CÂU 42: SD át lát trang 9

CÂU 43: SD át lát trang 22

CÂU 44: SD sơ đồ cơ cấu ngành CNCBLTTP sgk Địa Lí 12 bài 27 VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NGÀNH CN trọng điểm.

CÂU 45: Quan sát Sl đỉnh cột thì chọn được đáp án B

CÂU 46:SD át lat trang 17 kinh tế chung

CÂU 47: SD át lát trang 29

CÂU 48 SD át lát tr 10

CÂU 49:SD kiến thức bài 26 cơ cấu ngành CN

CÂU 50: ĐNB là vùng kinh tế phát triển hàng hóa sớm nhất cả nước, nhiều KCN nhất nên đã thu hút nhiều lao động từ vùng khác đến . Chọn A

CÂU 51: SD át lát trang 28

CÂU 52 : SD át lát trang 27

CÂU 53: SD át lat trang 23

CÂU 54: SD át lat trang 25

CÂU 55: SD át lat trang 26

CÂU 56: SD át lát trang 21

CÂU 57 : SD át lat trang 15

CÂU 58: SD át lat trang4&5

CÂU 59 : SD át lát trang 13 &14

CÂU 60:SD kiến thức bài 14 sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên để giải thích. Việc Sd đất không đi đôi với cải tạo trong thời gian dài sẽ dẫn đến đất bị bạc màu ở đồng bằng và do chặt phá

rừng ở MN dẫn đến đất xói mòn, rửa trôi. Chọn B

CÂU 61: SD kiến thức bài 15 : VN nằm trong vùng có nhiều thiên tai trong đó có hạn hán xảy ra ở nhiều nơi, chọn D

CÂU 62: SD át lát trang 19

CÂU 63: SD kiến thức bài 22 và loại trừ để tìm đáp án đúng

CÂU 64: Một trong những nguyên nhân làm cho chăn nuôi hay nuôi thủy sản gặp khó khăn là dịch bệnh. SD kiến thức bài 24 , chọn D

CÂU 65: SD kiến thức bài 20 chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành để chọn đáp án

CÂU 66: SD kiến thức bài 17, cơ cấu lao động nước ta đang có xu hướng giảm tỷ trọng ở KV1 chuyển sang tăng ở KV2 và 3

CÂU 67: SD kiến thức bài 42 để loại trừ đáp án sai

CÂU 68: SD kiến thức phần 3 “ ý nghĩa của VTĐL, bài số 2 . chú ý từ khóa

CÂU 69: SD kiến thức bài 18 để chọn ĐA

CÂU 70: SD phần định hướng phát triển ngành bưu chính của bài 30

CÂU 71: TDMN có thế mạnh về chăn nuôi gia súc lớn nhưng vẫn còn gặp khó khăn trong công tác vận chuyển và chế biến. Để đạt hiệu quả cao về KT cần chú ý đầu ra ( chất lượng ) của sp do vậy liên quan đến CNCB, đổi mới kĩ thuật và hình thức nuôi theo hướng trang trại .

CÂU 72: SD kiến thức bài 31 DL- TM

CÂU 73: SD cách loại trừ từ khóa đặc trưng của mỗi BĐ để chọn

CÂU 74: Chú ý từ khóa nâng cao giá trị, muốn nâng cao giá trị của sp cần gắn với CNCB

CÂU 75: SD kiến thức bài 36, chú ý từ khóa cảng biển

CÂU 76:SD kiến thức bài ĐBSCL, phần 3 - giải pháp thứ 5

CÂU 77: SD bài ĐBSH, vùng đông dân do vậy nhu cầu về các mặt dv lớ, DV là ngành SX thu nhiều lợi nhuận.

CÂU 78: Chú ý từ khóa ( lâm nghiệp) và SD kiến thức vùng Bắc Trung Bộ, đây là vùng có Dt rừng lớn, vai trò quan trọng nhất của TN rừng là sinh thái.

CÂU 79: SD kiến thức bài 9 và chọn ĐA tổng quát nhất

CÂU 80: Tốc độ tăng trưởng ( đường)